TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HSST
Ngày: 02/8/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quế Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hữu Cường
2. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 738/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 823/2023/HSST-QĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Văn Thị Q, tên gọi khác: Không, giới tính: Nữ, sinh ngày: 10/10/1968, tại: Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký thường trú: 159/77/11 đường T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: 154/1/38 đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 02/12, nghề nghiệp: Không; con ông Văn L (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); hoàn cảnh gia đình: có chồng và 4 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/6/2016, bị Toà án nhân dân Quận 1 xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo Bản án số 274/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2017 và thi hành xong án phí, tiền phạt (đã xoá án tích).

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/11/2022 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn Đ, tên gọi khác: Không, giới tính: Nam, sinh ngày: 17/11/1989, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 159/77/11 đường T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 02/12, nghề nghiệp: Không; con ông Phạm Q1, sinh năm 1966 và bà Văn Thị Q, sinh năm 1968; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/11/2022 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trọng N, tên gọi khác: Không, giới tính: Nam, sinh ngày: 28/12/1986, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 120/33/13 đường T, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 05/12, nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Võ Thị M (đã chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án: Ngày 07/3/2019, bị Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 17/2019/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/6/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/4/2008, bị Toà án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo bản án số 29/2008/HSST (đã xoá án tích).

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/11/2022 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1978

HKTT: Số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí MInh

Địa chỉ: 185 Đề Thám, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 1988

Địa chỉ: 1 đường T, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 20 phút ngày 24/11/2022, tổ tuần tra Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Q2 kiểm tra Lê Duy T2 tại trước số I T, phường C, Quận A thu giữ 4,2980 gam cần sa và kiểm tra Nguyễn Tấn C tại trước số A Đ,

phường C, Quận A thu giữ 2,5966 gam cần sa. C và T2 khai nhận số cần sa bị thu giữ mua của Văn Thị Q tại quầy thuốc lá trước nhà số A Đ, Phường P, Quận A nên tổ tuần tra tiến hành truy xét. Vào khoảng 19 giờ 25 phút cùng ngày, tổ công tác gồm các anh Nguyễn Mạnh C1, Lê Chí T3 (cán bộ điều tra Công an Q2), Nguyễn Thành L1, Võ Hoàng H1 (cán bộ Công an Phường P) và bảo vệ dân phố Phường Phạm Ngũ L2, Quận A phát hiện Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô biển số 59T1 – 860.87 đến trước số A Đ, Phường P, Quận A giao 01 túi nylon màu đen cho Văn Thị Q, sau đó chạy xe bỏ đi. Nhận thấy 02 đối tượng có hành vi nghi vấn trao đổi mua bán ma túy thì các anh T3, H1 truy đuổi, bắt kịp được N tại trước nhà số H B, Quận A, sau đó đưa N cùng phương tiện về Cơ quan Công an làm rõ. Cùng thời điểm trên, sau khi nhận được túi nylon màu đen từ N, Q đi vào bên trong nhà rồi quay trở ra, lúc này, tổ công tác gồm các anh C1, L1, T2 đến yêu cầu kiểm tra đối với Q và kiểm tra sơ bộ hiện trường xung quanh, có chứng kiến của chị Lê Thị T1 (quản lý quán A) và Phạm Văn Đ (nhân viên phục vụ tại quán A, con ruột Q) ngồi phụ bán ma túy cho Q. Qua kiểm tra, phát hiện trước nhà bên phải có 01 sọt nhựa đựng chai bia bên trên có 01 túi nylon màu đen đựng 04 gói nylon chứa thảo mộc khô; trước nhà bên trái có 01 chậu cây bên trong có 01 túi nylon màu đen đựng 13 gói nylon chứa thảo mộc khô và trên bàn tròn kim loại có gạt tàn thuốc lá bên trong có 09 gói nylon chứa thảo mộc khô; tại ghế đặt giữa hai xe mô tô 05 gói nylon chứa 41 điếu thuốc chứa thảo mộc khô; trên bàn vuông trước nhà có 01 bịch nylon in chữ Villa bên trong có 01 gói nylon chứa thảo mộc khô và có 01 bịch nylon in chữ E'mos bên trong có 01 gói nylon chứa thảo mộc khô, 02 gói nylon chứa 05 điếu thuốc chứa thảo mộc khô; trong túi vải tại gờ tường bên trái cầu thang đi lên lầu 1 có 01 gói nylon bên trong có 10 điếu thuốc chứa thảo mộc khô và 01 túi nylon màu đen bên trong có 13 gói nylon chứa thảo mộc khô và 01 túi nylon mẫu đen bên trong có 01 gói nylon chứa thảo mộc khô, 04 gói nylon bên trong có 42 điếu thuốc chứa thảo mộc khô; một số cối xay (dụng cụ xay nhuyễn thảo mộc khô) và 04 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy cùng nhiều gói nylon nhỏ chưa qua sử dụng (Q khai là ma túy để bán) nên tổ công tác thu giữ, bàn giao cùng các đối tượng có liên quan cho Công an Phường P, Quận A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 xử lý theo thẩm quyền (Bút lục số 01 - 06).

Theo Bản Kết luận giám định số 6499/KL-KTHS ngày 19/12/2022, 09 gói niêm phong có chữ ký ghi tên Văn Thị Q, Phạm Văn Đ và hình dấu Công an Phường P, Quận A gửi đến giám định là 171,42g ma túy, loại Cần sa và 100,21g ma túy loại Delta-9-tetrahydrocanabinol (Bút lục 75, 76)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Văn Thị Q và Phạm Văn Đ khai Đ là con ruột của Q và cùng phụ bán thuốc lá với Q nên biết Q có bán chất ma túy C. Chiều ngày 24/11/2022, Đ lần đầu bán giùm Q 02 điếu ma túy C khi Q đi vắng, sau đó đưa lại tiền bán ma túy C cho Q. Văn Thị Q và Nguyễn Trọng N khai nhận chiều ngày 24/11/2022, Q lần đầu nhờ N đi lấy ma túy về để Q bán, sau khi N giao ma túy cho Q thì bị bắt như trên. Lời khai của Văn Thị Q, Phạm Văn Đ và Nguyễn Trọng N

phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 thu thập được.

Đối với bà Lê Thị T1 (là chủ quán 185 Đ), bà T1 không biết Q có bán trái phép chất ma túy C nên không đủ cơ sở xử lý bà T1.

Đối với người thanh niên bán ma túy C cho Q qua điều tra chưa xác định được lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 tiếp tục xác minh làm rõ; khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Vật chứng vụ án:

- 07 gói niêm phong bên trong có 171,42g ma túy, loại Cần sa và 100,21 ma túy loại Delta-9-tetrahydrocanabinol,

- 04 túi nylon màu đen, 01 bịch nylon có in chữ Villa, 01 gói nylon có in chữ E mos và 01 túi vải,

- 03 cối xay thuốc lào, 01 gạt tàn thuốc, 01 gói nylon, 03 ống điếu hút thuốc lào;

- Thu giữ của Văn Thị Q: 01 điện thoại di động iPhone, imei: 352844113956937, imei 2: 352844113756212; 01 điện thoại di động hiệu giống Vertu, imei 1: 353800813142359, imei 2: 353800813142367; Số tiền 13.600.000 đồng.

- Thu giữ của Phạm Văn Đ: 01 điện thoại di động hiệu iPhone, imei 1: 356806114671807, imei 2: 356806114745557; Số tiền 1.000.000 đồng.

- Thu giữ của Nguyễn Trọng N: Xe mô tô biển số 59T1 – 86087, số khung RLHJF5804EY832227, số máy JF58E0832261; 01 điện thoại di động hiệu iPhone, imei 1: 353840101828152, imei 2: 353840101798793; 01 điện thoại di động hiệu giống Vertu, imei 1: 355715152021205; Số tiền 200.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 108/CT-VKS-Q1 ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Văn Thị Q về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, truy tố Phạm Văn Đ và Nguyễn Trọng N về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Văn Thị Q, Phạm Văn Đ và Nguyễn Trọng N đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ quyền công tố và tranh luận tại phiên tòa sau khi phân tích hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện có ý kiến như sau:

+ Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Văn Thị Q, Phạm Văn Đ và Nguyễn Trọng N, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Văn Thị Q, Phạm Văn Đ và Nguyễn Trọng N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

+ Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Văn Thị Q từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2022. Buộc bị cáo Văn Thị Q nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn Đ từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2022. Buộc bị cáo Phạm Văn Đ nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Trọng N từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2022. Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng:

- Đối với 07 gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 04 túi nylon màu đen, 01 bịch nylon có in chữ Villa, 01 gói nylon có in chữ E mos và 01 túi vải, là các gói đựng ma túy cần sa, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 03 cối xay thuốc lào, 01 gạt tàn thuốc, 01 gói nylon, 03 ống điếu hút thuốc lào, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng thu giữ của Văn Thị Q:

01 điện thoại di động iPhone, imei: 352844113956937, imei 2: 352844113756212, là phương tiện mua bán cần sa, nên tịch thu sung quỹ.

01 điện thoại di động hiệu giống Vertu, imei 1: 353800813142359, imei 2: 353800813142367, là tài sản riêng của Q, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Q.

Số tiền 13.600.000 đồng, trong đó gồm: Số tiền 600.000 đồng là tiền bị cáo Q bán ma túy, cần tịch thu sung quỹ, và số tiền 13.000.000 đồng là tiền bị cáo Q mượn bà Lê Thị T1, số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của Q, nên cần trả lại cho Q.

- Đối với vật chứng thu giữ của Phạm Văn Đ:

01 điện thoại di động hiệu iPhone, imei 1: 356806114671807, imei 2: 356806114745557, là tài sản riêng của Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho Đ.

Số tiền 1.000.000 đồng, là tài sản riêng của Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho Đ.

- Đối với vật chứng thu giữ của Nguyễn Trọng N:

01 xe mô tô biển số 59T1 – 86087, số khung RLHJF5804EY832227, số máy JF58E0832261, qua xác minh được biết xe đứng tên đăng ký là chị Nguyễn Thị Bích N1, đây là tài sản riêng của bà N1, bà N1 không biết N mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị trả xe lại cho bà N1.

01 điện thoại di động hiệu iPhone, imei 1: 353840101828152, imei 2: 353840101798793, là tài sản riêng của N, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho N.

01 điện thoại di động hiệu giống Vertu, imei 1: 355715152021205; là tài sản riêng của N, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho N.

Số tiền 200.000 đồng, là tài sản riêng của N, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho N.

Các bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, tại phiên tòa, các bị cáo Văn Thị Q, Phạm Văn Đ và Nguyễn Trọng N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu; lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, phù hợp với tang vật thu giữ, kết luận giám định; lời khai của những người làm chứng, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập, cùng diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Vào khoảng 19 giờ 20 phút ngày 24/11/2022, tại quầy thuốc lá trước nhà số A Đ, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Văn Thị Q có hành vi bán 4,2980 gam cần sa cho đối tượng Lê Duy T2 và 2,5966 gam cần sa cho đối tượng Nguyễn Tấn C, đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" thuộc trường hợp "phạm tội 02 lần trở lên". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Đối với Phạm Văn Đ là con ruột của Văn Thị Q biết Q có bán ma túy loại cần sa, vào chiều ngày 24/11/2022, Đ lần đầu bán giùm Q 02 điếu ma túy C khi Q đi vắng, sau đó đưa lại 100.000 đồng là tiền bán ma túy C cho Q, hành vi của Đ đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Đối với Nguyễn Trọng N, vào chiều ngày 24/11/2022, theo yêu cầu của Q, N đã đi lấy một túi ny lon chứa 13 gói cần sa về cho Q để Q bán, tiền công đi lấy là 100.000 đồng, chưa nhận thì bị bắt, hành vi của N đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm, ở mức độ giản đơn, trong đó: Bị cáo Q là người chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; toàn bộ số ma túy thu giữ tại quầy thuốc lá trước nhà số A Đ, Phường P, Quận A gồm 171,42g ma túy, loại Cần sa và 100,21g ma túy loại Delta-9-tetrahydrocanabinol là của bị cáo Q, đã được chia thành từng phần nhỏ, một số được cuốn thành điếu với mục đích bán cho khách tìm mua. Bị cáo Q đã từng bị xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" (theo Bản án số 274/2016/HSST ngày 27/6/2016 của Toà án nhân dân Quận 1), dù lần phạm tội nêu trên không được tính là tái phạm, tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc việc phương thức, thủ đoạn, địa điểm phạm tội trong lần xét xử này là tương tự so với lần phạm tội trước để đánh giá về tính răn đe, phòng ngừa khi lượng hình đối với bị cáo Q. Đối với bị cáo Đ là con ruột bị cáo Q, biết bị cáo Q có bán cần sa cho khách, lần phạm tội vào ngày 24/11/2022 là lần đầu Đ giúp Q bán 02 điếu cần sa cho khách khi Q đi vắng, là phạm tội với vai trò giúp sức. Bị cáo N biết Q bán cần sa cho khách, lần phạm tội vào ngày 24/11/2022 là lần đầu N đi lấy ma túy về cho Q để Q bán, là phạm tội với vai trò giúp sức. Xét mức độ nguy hiểm của hành vi của các bị cáo, khi lượng hình đối với bị cáo Q cần nghiêm khắc hơn.

[6] Xét: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý đối với các chất ma túy, duy trì tệ nạn ma túy, làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của những người được các bị cáo bán ma túy cho sử dụng cũng như là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác, xâm phạm đến trật tự an toàn của xã hội, nhất là ở địa bàn điểm nóng về ma túy. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố tình thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[7] Về tình tiết tăng nặng:

[7.1] Bị cáo Q, Đ không có tình tiết tăng nặng.

[7.2] Xét bị cáo Nguyễn Trọng N có 01 tiền án bị xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 17/2019/HSST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/6/2021, chưa xoá án tích nên lần phạm tội này của bị cáo N thuộc trường hợp "Tái phạm", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Do vậy, khi lượng hình đối với bị cáo N cần nghiêm khắc hơn so với bị cáo Đ mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo Q, Đ, Nghĩa tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Đ chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội với vai trò giúp sức thụ động, bị cáo và Q có mối quan hệ mẹ - con ruột cùng bị bắt trong vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo Đ tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xem xét, cân nhắc khoan hồng khi lượng hình cho bị cáo.

[9] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng". Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần buộc bị cáo Văn Thị Q nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước, buộc bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Trọng N mỗi bị cáo nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

[10] Đối với bà Lê Thị T1 (là chủ quán 185 Đ), bà T1 không biết Q có bán trái phép chất ma túy C nên cơ quan điều tra không xử lý bà T1 là có cơ sở.

[11] Đối với người thanh niên bán ma túy C cho Q qua điều tra chưa xác định được lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 tiếp tục xác minh làm rõ; khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[12] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[12.1] Đối với 07 gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy.

[12.2] Đối với 04 túi nylon màu đen, 01 bịch nylon có in chữ Villa, 01 gói nylon có in chữ E mos và 01 túi vải, là các gói đựng ma túy cần sa nên tịch thu tiêu hủy.

[12.3] Đối với 03 cối xay thuốc lào, 01 gạt tàn thuốc, 01 gói nylon, 03 ống điếu hút thuốc lào, Q khai đây là các vật dụng để khách hút thuốc lào, không dùng để sử dụng cần sa; xét không liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[12.4] Đối với vật chứng thu giữ của Văn Thị Q:

[12.4.1] 01 điện thoại di động iPhone, imei: 352844113956937, imei 2: 352844113756212, là phương tiện Q sử dụng để liên hệ mua bán cần sa, nên tịch thu sung quỹ.

[12.4.2] 01 điện thoại di động hiệu giống Vertu, imei 1: 353800813142359, imei 2: 353800813142367, là tài sản riêng của Q, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Q.

[12.4.3] Số tiền 13.600.000 đồng, trong đó gồm: Số tiền 600.000 đồng là tiền bị cáo Q bán ma túy, cần tịch thu sung quỹ; và số tiền 13.000.000 đồng là tiền bị cáo Q khai mượn bà Lê Thị T1, bà T1 thừa nhận việc cho Q mượn vào ngày 24/11/2022. Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 có yêu cầu nhận lại số tiền này. Bị cáo đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Xét Quý và bà T1 đều thừa nhận hai bên có giao dịch mượn số tiền 13.000.000 đồng, mục đích để Q trả tiền thuê nhà, chưa đến hạn trả tiền. Xét tại thời điểm bị tạm giữ số tiền trên, Q đang chiếm hữu, sử dụng hợp pháp số tiền trên; đồng thời, số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của Q, nên cần trả lại cho Q.

[12.4.4] Giành quyền khởi kiện cho bà Lê Thị T1 trong trường hợp bà T1 có tranh chấp với Q liên quan đến số tiền 13.000.000 đồng mà bà T1 đã cho Q mượn vào ngày 24/11/2022 theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[12.5] Đối với vật chứng thu giữ của Phạm Văn Đ:

[12.5.1] 01 điện thoại di động hiệu iPhone, imei 1: 356806114671807, imei 2: 356806114745557, là tài sản riêng của Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Đ.

[12.5.2] Số tiền 1.000.000 đồng, là tài sản riêng của Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Đ.

[12.6] Đối với vật chứng thu giữ của Nguyễn Trọng N:

[12.6.1] 01 (một) xe mô tô biển số 59T1 – 86087, số khung RLHJF5804EY832227, số máy JF58E0832261, Qua xác minh, xe đứng tên đăng ký là bà Nguyễn Thị Bích N1. Bà N1 và bị cáo N kết hôn năm 2015, sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Quá trình điều tra xác định: Bà Bùi Thị Tố N2 là mẹ của bà N1 khai: Vào năm 2016, bà cho bà N1 toàn bộ tiền để mua xe mô tô biển số 59T1 – 860.87 và trực tiếp quản lý sử dụng xe cho đến nay; ngày 24/11/2022 N sang nhà bà N1 mượn xe nói đi công việc, bà N1 không biết N sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Bị cáo N thừa nhận xe này toàn bộ được mua bằng tiền của mẹ bà N1, là xe của riêng bà N1, bị cáo khi mượn không nói cho bà N1 biết bị cáo đi lấy ma túy. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản riêng của bà N1, bà N1 không biết N mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả xe lại cho bà N1.

[12.6.2] 01 điện thoại di động hiệu iPhone, imei 1: 353840101828152, imei 2: 353840101798793, là tài sản riêng của N, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho N.

[12.6.3] 01 điện thoại di động hiệu giống Vertu, imei 1: 355715152021205; là tài sản riêng của N, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho N.

[12.6.4] Số tiền 200.000 đồng, là tài sản riêng của N, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho N.

[13] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố các bị cáo Văn Thị Q, Phạm Văn Đ và Nguyễn Trọng N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

- Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, xử phạt bị cáo Văn Thị Q **08 (tám) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2022,

Buộc bị cáo Văn Thị Q nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Tiếp tục tạm giam Văn Thị Q để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2022,

Buộc bị cáo Phạm Văn Đ nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Tiếp tục tạm giam Phạm Văn Đ để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N **04 (bốn) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2022.

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

Tiếp tục tạm giam Nguyễn Trọng N để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

+ Tịch thu tiêu hủy 07 gói niêm phong có các chữ ký ghi tên người chứng kiến Bùi Thị Thúy H2 và người niêm phong Trần Hữu Phong, ghi vụ số 6499/1, 6499/2, 6499/3, 6499/4, 6499/7, 6499/8, 6499/9, tình trạng: phần còn lại sau giám định;

+ Tịch thu tiêu hủy 04 túi nylon màu đen, 01 bịch nylon có in chữ Villa, 01 gói nylon có in chữ E mos và 01 túi vải, tình trạng: Đã qua sử dụng, dùng để đựng Cần sa;

+ Tịch thu tiêu hủy 03 cối xay thuốc lào, 01 gạt tàn thuốc, 01 gói nylon, 03 ống điếu hút thuốc lào;

+ Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động iPhone, imei: 352844113956937, imei 2: 352844113756212, tình trạng: Đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy bên trong và số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng;

+ Trả lại cho Văn Thị Q 01 điện thoại di động hiệu giống Vertu, imei 1: 353800813142359, imei 2: 353800813142367, tình trạng: Đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy bên trong và số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng;

+ Trả lại cho Phạm Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu iPhone, imei 1: 356806114671807, imei 2: 356806114745557, tình trạng: Đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy bên trong và số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng;

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích N1 01 (một) xe mô tô biển số 59T1 – 86087, số khung RLHJF5804EY832227, số máy JF58E0832261, tình trạng: Đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy bên trong;

+ Trả lại cho Nguyễn Trọng N 01 điện thoại di động hiệu iPhone, imei 1: 353840101828152, imei 2: 353840101798793; 01 điện thoại di động hiệu giống Vertu, imei 1: 355715152021205, tình trạng: Đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy bên trong và số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 185/2023/PNK-THAHS ngày 17/7/2023 và Phiếu nhập kho vật chứng số 186/2023/PNK-THAHS ngày 17/7/2023 của Công an Q2)

Giành quyền khởi kiện cho bà Lê Thị T1 trong trường hợp bà T1 có tranh chấp với Q liên quan đến số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng mà bà T1 đã cho Q mượn vào ngày 24/11/2022 theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Văn Thị Q, Phạm Văn Đ và Nguyễn Trọng N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Quế Hương